

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2022/HS-ST
Ngày 04-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan;
Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1986 tại Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ A, khu phố C, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị X; chồng là Nguyễn Văn H; có 02 con, sinh năm 2006 và 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- Bị hại: Chị **Trần Thị V**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ Đ, khu phố T, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc P từng làm nhân viên tại cửa hàng tạp hóa “L”, địa chỉ: Tổ M, khu phố C, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do chị Trần Thị V làm chủ. P biết tiền bán hàng chị V thường để trong thùng nhựa màu đỏ, chìa khóa cửa hàng để ở khe cửa, buổi tối cửa hàng không có người trông coi, nên P nảy sinh ý định trộm cắp tiền ở cửa hàng tạp hóa của chị V.

Khoảng 00 giờ ngày 06/12/2021, P đi xe đạp đến cửa hàng, dựng xe bên ngoài, lấy chìa khóa trong khe cửa mở cửa và đi vào trong ngắt cầu dao điện nhằm tắt hệ thống camera, lấy 01 bọc tiền bên trong có 21.000.000 đồng trong thùng nhựa màu đỏ, đem về nhà cất giấu. Sau khi phát hiện mất tiền, chị V trình báo, Công an phường D lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo quy định.

Vật chứng:

- Số tiền 21.000.000 đồng Nguyễn Thị Ngọc P lấy trộm của chị Trần Thị V: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho chị V.

- 01 xe đạp màu xanh hiệu Windows (đã qua sử dụng) của anh Nguyễn Văn H: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh H.

- 01 áo khoác màu xanh và 01 quần thun màu hồng của Nguyễn Thị Ngọc P: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho P.

Về trách nhiệm dân sự: Chị V đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu Nguyễn Thị Ngọc P bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 144/CT-VKSBH ngày 15/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai truy tố Nguyễn Thị Ngọc P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm

2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, không bào chữa và tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo để lao động chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ và hợp lệ. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tội danh và hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Khoảng 00 giờ ngày 06/12/2021, tại cửa hàng tạp hóa “L”, địa chỉ: Tổ M, khu phố C, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thị Ngọc P đã có hành vi trộm cắp 21.000.000 đồng của chị Trần Thị V. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, lời khai bị hại, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm

đoạt đã thu hồi trả cho bị hại; bị hại có đơn yêu cầu đình chỉ điều tra, không truy tố, xét xử đối với bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình phải nuôi 02 con và cha bị bệnh nhồi máu não (có xác nhận của chính quyền địa phương). Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, trong thời gian bị Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật nên bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo sẽ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời, đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về vật chứng:

- Số tiền 21.000.000 đồng bị cáo trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho chị V là phù hợp quy định pháp luật.

- 01 xe đạp màu xanh hiệu Windows (đã qua sử dụng) là tài sản của anh Nguyễn Văn H, anh H không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh H là phù hợp quy định pháp luật.

- 01 áo khoác màu xanh và 01 quần thun màu hồng là tài sản cá nhân của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bị cáo là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị V đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P **01 (một)** năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **02 (hai)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường D;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Ngô Hoàng Long

- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ.